

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV. # \_\_\_\_\_  
VEWL. # \_\_\_\_\_  
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

LÊ

Last

VAN

Middle

ĐIỀU

First

Current Address ẤP 6, XÃ LỘC THUẬN, HUYỆN BÌNH ĐẠI, BẾN TRE

Date of Birth 19. 3. 1939 Place of Birth BÌNH PHƯỚC NHỰT, CHỢ GẠO, MỸ THO

Previous Occupation (before 1975): TÌNH ĐOÀN TRƯỞNG CÁN BỘ XÂY DỰNG NÔNG THÔN  
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 20. 10. 1976 TO 13. 2. 1984

SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone | Relationship            |
|---------------------------|-------------------------|
| 1. <u>LÊ TÂN TRẠNG</u>    | <u>Political Friend</u> |
| 2. <u>PHAN VĂN BA</u>     | <u>Political Friend</u> |
|                           | <u>(In Prison)</u>      |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the CDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT

(PA)

<sup>1</sup> LÊ <sup>C</sup> VÂN <sup>-i></sup> ĐIỀU

| NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING<br>RELATIVE | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP   | PA |
|--------------------------------------------|---------------|----------------|----|
| 1. NGUYỄN NGỌC ANH                         | 1945          | Wife           |    |
| 2. LÊ CÔNG NHỰT                            | 1970          | Blood Son      |    |
| 3. LÊ THỊ THẠ TRANG                        | 1971          | Blood daughter |    |
| 4. LÊ KIẾN TƯỜNG                           | 1972          | Blood son      |    |

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VI LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN DIÊU  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : March 19 1939  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Male Female (Nu) : \_\_\_\_\_

MARITAL STATUS Single (Doc than) : \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh) Married  
(Tinh trang gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM : ẤP 6, XÃ LỘC THƯỜNG, HUYỆN BÌNH DAI, BẾN TRE  
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Yes No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co) : From (Tu) : Oct. 20, 1976 To (Den) : Feb. 13, 1981

PLACE OF RE-EDUCATION : MY PHUOC CAMP, TIEN GIANG PROVINCE  
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : TINH ĐOÀN TRƯỞNG CÁN BỘ XÂY DỰNG NÔNG THÔN

EDUCATION IN U.S. (Da hoc tai My) : \_\_\_\_\_  
VN ARMY (Quan Co-VN) Rank (Cep Bac) : \_\_\_\_\_  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : \_\_\_\_\_ Date (nam) : \_\_\_\_\_

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : \_\_\_\_\_  
IV Number (So ho so) : \_\_\_\_\_  
No (Khong) : \_\_\_\_\_

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 4 (Wife and 3 children)  
(Ten than nhan theo tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 44A Giồng Dừa, Phường 7,  
Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) : \_\_\_\_\_

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : \_\_\_\_\_ No (Khong) : \_\_\_\_\_

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : \_\_\_\_\_

NAME & SIGNATURE : LE VAN DIÊU [Signature]  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE : November 4th 1988  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SỐ: 205/00

(Q) QUYẾT - ĐỊNH

Căn cứ vào luật số 02/03/SL và điều 5, 6, 7 mục B --  
trong chính sách 12 điểm của chính phủ quy định "đối với  
tất cả những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các  
tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ".

Căn cứ vào đề nghị của Ban Giám Thị Trại Cải Tạo  
Tỉnh Tiền-Giang.

CÔNG AN TIỀN-GIANG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: - Họ và tên: Đoàn Văn Đức  
- Sinh ngày: 15/11 tháng: 11 năm: 1939  
- Sinh quán: Yên Bái  
- Trú quán: 73/44 đường: Yên Bái  
- Chỗ ở khi tha vó: 73/44  
- Quốc vụ: Việt Nam cấp bậc: Thượng  
- Binh chủng: Đoàn Cảnh Sát  
- Đã quân huan từ ngày: 15/11 tháng: 11 năm: 1976  
- Đơn ngày: 73 tháng: 02 năm: 1984

Điều 2: - Quân chế trong thời gian: 15 tháng tại địa-  
phương kể từ ngày ký quyết định này. Trong thời gian  
quân chế nếu dương sự đi dẫu phải trình với Công An  
địa phương.

Điều 3: - Khi về địa phương dương sự trình ban quyết định này  
với UBND và Ban Công An cơ sở nơi mình cư trú và  
chịu sự quản chế của chính quyền địa phương nơi  
mình cư trú theo nội dung đã qui định.

Điều 4: - Ban giám thị Trại Cải Tạo, các cơ quan chức trách  
và dương sự chấp hành quyết định thi hành.

Tiền-Giang, ngày 15 tháng 02 năm 1984  
ĐIỂM ĐỌC CÔNG AN TIỀN-GIANG.



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 544, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

## ORIGINAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VERL # \_\_\_\_\_  
I-171 : Yes, \_\_\_\_\_

The purpose of this form is to identify persons who are  
currently interned in re-education camps in Vietnam.  
A person who is a victim of the Guevarra  
regime should be identified.

APPLICANT IN VIETNAM

LÊ  
Last

VĂN  
Middle

ĐIỀU  
First

Current Address: Ấp 6, Xã Lạc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre

Date of Birth: March 19, 1939 Place of Birth: Bình Thúc Nhứt, Mỹ Tho

Previous Occupation (before 1975): Officer In Charge on Rural Development (Rach Gia Province)  
(Rank & Position)

Time spent in re-education camp: From Oct. 20, 1976 to Feb. 13, 1984

Reasons for arrest: Tại "Mỹ Phước" tỉnh Tiền Giang

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name & Address & Telephone

Relationship

1. Lê Tân Trọng. PO Box 1449. Garden Grove. CA. 92642. USA. Political Friend  
(Comrades)
2. Phan Văn B. (id)

If you are a relative or friend of a person who is a victim of the Guevarra regime, you are encouraged to do so. Also persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam to INS Form I-130 must do so.

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VI LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN DIEN  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : March 19th 1939  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Giới tính) : Male (Nam) Female (Nu) :  
MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình) : Single (Độc thân) : Married (Có lập gia đình) Married  
ADDRESS IN VIETNAM : Ấp 6, Xã Lộc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre  
(Địa chỉ tại Việt-Nam)  
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân chính trị hay không) : Yes (Có) Yes No (Không) :  
If Yes (Nếu có) : From (Từ) : Oct. 20, 1976 To (Đến) : Feb. 13, 1981  
PLACE OF RE-EDUCATION : Camp "My Phuc", Tiên Giang Province  
(Trại tù)  
PROFESSION (Nghề nghiệp) : Farming and Planting  
EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ) :  
EDUCATION IN VN (Đã học tại VN) : Rank (Cấp bậc) :  
GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : Date (nam) :  
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn xin ODP) : Yes (Có) : Yes  
IV Number (Số hồ sơ) : None  
No (Không) :  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 4 (Wife and 3 children)  
(Ten thân nhân thay tung) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết  
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : 44A Đường Giang Dục,  
Phường 7, Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang, Vietnam  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)  
U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (Có) : No (Không) :  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) :  
NAME & SIGNATURE : LE VAN DIEN  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này)  
DATE : January 1st 1989  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)



# HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILY OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5431 ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV # \_\_\_\_\_

VEWL.# \_\_\_\_\_

I-171 : Yes

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the orderly departure program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

LÊ  
Last

VÂN  
Middle

ĐIỀU  
First

Current Address: ẤP 6, XÃ LỘC THUẬN, HUYỆN BÌNH ĐẠI, BẾN TRE

Date of Birth: 19-3-1939 Place of Birth: BÌNH PHƯỚC NHỰT, CHỢ GẠC, MỸ THO

Previous Occupation (before 1975): BÌNH ĐOÀN TRƯỞNG CÁN BỘ XÂY DỰNG NÔNG THÔN  
(Please specify position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 20-10-1976 To 13-2-1984

Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone | Relationship            |
|---------------------------|-------------------------|
| 1. <u>LÊ TÂN TRẠNG</u>    | <u>Political Friend</u> |
| 2. <u>PHẦN VĂN BA</u>     | <u>Political Friend</u> |
|                           | <u>(In prison)</u>      |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the INA criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: \_\_\_\_\_

5- NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) LÊ VĂN ĐIỀU

| NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING<br>RELATIVE | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP   | PA |
|--------------------------------------------|---------------|----------------|----|
| 1. NGUYỄN NGỌC ANH                         | 1945          | Wife           |    |
| 2. LÊ ĐÔNG NHỰT                            | 1970          | Blood Son      |    |
| 3. LÊ THỊ THẢO TRANG                       | 1971          | Blood daughter |    |
| 4. LÊ KIẾN TƯỜNG                           | 1972          | Blood Son      |    |



INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VĂN ĐIỀU  
Last (Ten họ) Middle (Giua) First (Ten gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : MARCH 19 1939  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay nu) : Male Male (Nu) Female  
MARITAL STATUS Single (Doc thar) : Single Married (Co lap gia dinh) : Married  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : ẤP 6, XÃ LỘC THUAN, HUYỆN BÌNH ĐẠI, BẾN TRE  
(Dia chi tai Viet-Nam)  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Yes No (Khong) No  
If Yes (Neu co) : From (Tu) : Oct 20, 1976 To (Den) : Feb. 13, 1984  
PLACE OF RE-EDUCATION : MY DUC CAMP, TIEN GIANG PROVINCE  
CAMP (Trai tu)  
PROFESSION (Nghe nghiep) : TINH DAN TRUONG CAN BO XAY DUNG NONG THON  
EDUCATION IN U.S. (Di hoc tai My) :  
RANK (Cep bang) :  
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) :  
Date (nam) :  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) :  
IV Number (So ho so) :  
No (Khong) :  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 4 (Wife and 3 children)  
(Ten than nhan theo tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 44A Giồng Dừa, Phường 7  
Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : No (Khong) :  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) :  
NAME & SIGNATURE : LÊ VĂN ĐIỀU DM  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)  
DATE : November 4th 1988  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Số: 205/CD

-1-

QUYẾT ĐỊNH

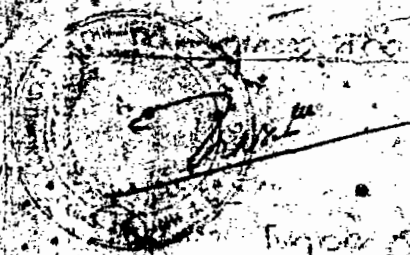
Căn cứ vào luật số 02/03/SL và điều 5, 6, 7 mục B trong chính sách 12 điểm của chính phủ quy định "đối với tất cả những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ".

Căn cứ vào đề nghị của Ban Giám Thị Trại Cải Tạo Tỉnh Tiền-Giang.

CỘNG AN TIỀN-GIANG QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1: - Họ và tên: Lê Văn Định  
 - Sinh ngày: 12 tháng: 12 năm: 1922  
 - Sinh quán: Thị trấn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Dương  
 - Trú quán: Thị trấn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Dương  
 - Chỗ ở khi thả về: Thị trấn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Dương  
 - Chức vụ: Thợ may cấp bậc: Thợ may  
 - Bình chủng: Thợ may  
 - Đã quân huan từ ngày: 12 tháng: 12 năm: 1922  
 - Đơn ngày: 12 tháng: 12 năm: 1922
- Điều 2: - Quản chế trong thời gian: 12 tháng tại địa phương kể từ ngày ký quyết định này. Trong thời gian quản chế nếu dương sự đi dáo phải trình với Công An địa phương.
- Điều 3: - Khi về địa phương dương sự trình bản quyết định này với UBND và Ban Công An cơ sở nơi mình cư trú và chịu sự quản chế của chính quyền địa phương nơi mình cư trú theo nội dung đã qui định.
- Điều 4: - Ban giám thị Trại Cải Tạo, các cơ quan chức trách và dương sự chịu quyết định thi hành.

Tiền-Giang, ngày 12 tháng 12 năm 1922  
 K. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TIỀN-GIANG.



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

### POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VEWL # \_\_\_\_\_  
I-171 : \_\_\_\_\_ Yes, \_\_\_\_\_

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam. This information for U.S. admission via the orderly departure program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LE VAN DIÊU  
Last Middle First

Current Address Ấp 6, Xã Lạc Thuận, Huyện Bình Định, Tỉnh Bến Tre

Date of Birth March 19, 1939 Place of Birth Bình Phước Nhất, Mỹ Tho

Previous Occupation (before 1975) Officer in Charge in Rural Development (Bach Gia Province)  
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Oct. 20, 1976 To Feb. 13, 1984

STANDARD NAME Trại "Mỹ Phước" Tỉnh Tiền Giang

Address & Telephone

### NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name            | Address & Telephone                      | Relationship                   |
|-----------------|------------------------------------------|--------------------------------|
| 1. Lê Tân Trạng | P.O. Box 1449 Garden Grove, CA 92642 USA | Political Friend<br>(Comrades) |
| 2. Phan Văn Ba  |                                          | (id)                           |

If you are eligible to file for citizenship under Category I of the OIA criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Filled: \_\_\_\_\_

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VL LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ VÂN ĐIỀU  
Last (Ten họ) Middle (Giữa) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : March 19th 1939  
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Giới tính) : Male (Nam) Female (Nữ)

MARITAL STATUS (Tình trạng gia đình) : Single (Độc thân) Married (Có lập gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : Ấp 6, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre  
Địa chỉ tại Việt-Nam

CLINICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không)  
If Yes (Nếu có) : From (Từ) : Oct. 20, 1976 To (Đến) : Feb. 13, 1981

PLACE OF RE-EDUCATION : Camp "Mỹ Phước", Tiền Giang Province  
Camp (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp) : Farming and Planting

RECORD IN U.S. (Lịch sử tại Mỹ) : None  
RECORD IN VN (Lịch sử tại VN) : None  
GOVERNMENT (Chính phủ VN) : None (Chức vụ) : None Date (năm) : None

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : Yes IV Number (Số hồ sơ) : None  
No (Không) : None

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 4 (Wife and 3 children)  
(Tên thân nhân theo cùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : 44A đường Giang Dừa, Phường 7, Thành Phố Mỹ Tho, Tiền Giang, Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ) : None

CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ) : Yes (Có) : None No (Không) : None

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) : None

NAME & SIGNATURE : Lê Văn Điều Orn  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc nay)

DATE : January 1st 1989  
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): LÊ VAN ĐIỀU  
( Listed on page 1 )

| NAME OF DEPENDENT / ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP PA. |
|--------------------------------------------|---------------|------------------|
| 1. Nguyễn Ngọc Anh                         | 1945          | Wife (Primary)   |
| 2. Lê Hồng Nhật                            | 1970          | Son              |
| 3. Lê Thị Thảo Trang                       | 1971          | daughter         |
| 4. Lê Kiên Tường                           | 1972          | Son              |

DEPENDENT'S ADDRESS: (if different from above)

The same as above

ADDITIONAL INFORMATION : \_\_\_\_\_

NAM CỘNG-HÒA

H hay THỊ - XÃ

THỊ-TƯỜNG

QUẬN CHU-THÀNH

XÃ (PHƯỜNG)

THỊ-SÁI-CHÁNH

Số hiệu: 98

# TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 27 tháng 09 năm 1974

Tên họ chồng : LÊ-VĂN-DIÊU  
Ngày và nơi sinh : 19-3-1939 Bình-Phục-Nhứt  
Tên họ cha chồng : Lê-văn-Nên (Sống/~~KH~~)  
Tên họ mẹ chồng : Lê-thị-Liêng (Sống/~~KH~~)  
Tên họ vợ : Nguyễn-ngọc-Anh  
Ngày và nơi sinh : 09.10.1945 xã Lộc-Thuận (Kiến-Hòa)  
Tên họ cha vợ : Nguyễn-văn-Tạo (Sống/~~KH~~)  
Tên họ mẹ vợ : Suỳnh-thị-Dân tự Sáu (Sống/~~KH~~)  
Ngày lập hôn thú : Ngày 27 tháng 09 năm 1974  
Có lập hôn khế không : //

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

~~THỊ-SÁI-CHÁNH~~, ngày 27 tháng 09 năm 1974

~~XXXXXX~~

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch  
Soạn Bộ,

*[Handwritten signature]*



XX, Thị trấn Lộc Thuận  
Thị xã Quảng Bình  
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

Số 254

Quyển số II

# GIẤY KHAI SINH

**BẢN SAO**

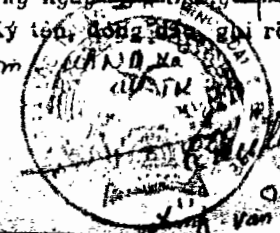
|                                                                                      |                                                                                                          |  |                                       |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------|------------|
| Họ và tên                                                                            | <u>LÊ - ĐÔNG - NHƯT</u>                                                                                  |  | Nam, nữ                               | <u>Nam</u> |
| Sinh ngày                                                                            | <u>Hai mươi bốn tháng tư năm một ngàn</u>                                                                |  |                                       |            |
| tháng, năm                                                                           | <u>chín trăm bảy mươi (24-4-1970)</u>                                                                    |  |                                       |            |
| Nơi sinh                                                                             | <u>Xã Diên Hòa Mỹ Tho</u>                                                                                |  |                                       |            |
| Khai về cha mẹ                                                                       | CHA                                                                                                      |  | MẸ                                    |            |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                           | <u>Lê Văn Diên</u><br><u>1939</u>                                                                        |  | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u><br><u>1945</u> |            |
| Dân tộc                                                                              | <u>Kinh</u>                                                                                              |  | <u>Kinh</u>                           |            |
| Quốc tịch                                                                            | <u>Việt - NAM</u>                                                                                        |  | <u>Việt - NAM</u>                     |            |
| Nghề nghiệp                                                                          | <u>Làm ruộng</u>                                                                                         |  | <u>Thợ may</u>                        |            |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                  | <u>Ấp 6 xã Lộc Thuận</u>                                                                                 |  | <u>Ấp 6 xã Lộc Thuận</u>              |            |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u> <u>Ấp 6 xã Lộc Thuận</u><br><u>Bình Đại Hòa</u><br><u>Số giấy CMND: 510746567</u> |  |                                       |            |

**SAO Y BẢN CHÍNH**

16 Tháng 2 năm 1984

Đăng ký ngày 3 tháng 7 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



*Nguyễn Văn Hùng*

*Nguyễn Văn Hùng*



Xã, Thị trấn Lộc Thuận  
Thị xã, Quận Bình Đại  
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

# GIẤY KHAI SINH

Số 255  
Quyển số II



|                                                                                               |                                                                                                       |                                       |                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Họ và Tên                                                                                     | <u>LÊ-THỊ THẢO-TRANG</u>                                                                              |                                       | Nam, nữ <u>_____</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | <u>Mười sáu tháng mười, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (16-10-1971)</u>                          |                                       |                      |
| Nơi sinh                                                                                      | <u>Xã Diên Hòa Mỹ-Tho</u>                                                                             |                                       |                      |
| Khai về cha mẹ                                                                                | CHA                                                                                                   | MẸ                                    |                      |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | <u>Lê Văn Diên</u><br><u>1939</u>                                                                     | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u><br><u>1945</u> |                      |
| Dân tộc                                                                                       | <u>Kinh</u>                                                                                           | <u>Kinh</u>                           |                      |
| Quốc tịch                                                                                     | <u>Việt - NAM</u>                                                                                     | <u>Việt - NAM</u>                     |                      |
| Nghề nghiệp                                                                                   | <u>Làm ruộng</u>                                                                                      | <u>Thợ may</u>                        |                      |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | <u>Ấp 6 Xã Lộc Thuận</u>                                                                              | <u>Ấp 6 Xã Lộc Thuận</u>              |                      |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <u>Nguyễn Ngọc Anh Ấp 6 Xã Lộc Thuận</u><br><u>Bình Đại Bến Tre</u><br><u>Giấy CMND số: 310745562</u> |                                       |                      |

Đăng ký ngày 3 tháng 7 năm 1984  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Tr. Nguyễn Văn Lộc



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường Lê Thuân  
Huyện, Quận Bình Đại  
Tỉnh, Thành phố Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 256

Quyển II



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Kiến Tường Nam hay nữ NAM  
Ngày, tháng, năm sinh ngày mười tám tháng mười một năm một chín  
bảy mươi hai (18-11-1972)  
Nơi sinh Xã Điện Hòa Mỹ Thuận  
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt NAM

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                                                    | Người cha                                                   |
|----------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Họ và tên            | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u>                                      | <u>Lê Văn Diên</u>                                          |
| Tuổi                 | <u>1945</u>                                                 | <u>1939</u>                                                 |
| Dân tộc              | <u>Kinh</u>                                                 | <u>Kinh</u>                                                 |
| Quốc tịch            | <u>Việt NAM</u>                                             | <u>Việt NAM</u>                                             |
| Nghề nghiệp          | <u>Làm ruộng</u>                                            | <u>Làm ruộng</u>                                            |
| Nơi thường trú       | <u>ấp 6 xã Điện Hòa Mỹ Thuận</u><br><u>Bình Đại Bến Tre</u> | <u>ấp 6 xã Điện Hòa Mỹ Thuận</u><br><u>Bình Đại Bến Tre</u> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai  
Nguyễn Ngọc Anh 1945 ấp 6 xã Điện Hòa Mỹ Thuận Bình Đại  
Bến Tre. CMND. 310745562

Đăng ký ngày 28 tháng 10 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Ngọc Anh

Nguyễn Ngọc Anh

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 10 năm 1988

T/M UBND

ký tên

ủy ban nhân dân

ủy ban nhân dân

ủy ban nhân dân

ủy ban nhân dân

ủy ban nhân dân

ủy ban nhân dân



Dương Văn Lự



LÊ KIÊN-TƯỜNG  
1972

NGUYỄN NGỌC ANH  
5761

LÀ VĂN ĐIỀU  
19-3-1939

LÊ THỊ THẠO-TRANG  
1161

LÊ ĐÔNG-NHẤT  
1970

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BAN SAG

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ TỈNH BẾN TRE

Số 122220 ON

Họ và tên chủ hộ:

Nguyễn Ngọc An

Số nhà:

Đường phố, ấp:

Thị trấn, phường, xã:

Huyện, thị xã:

Nơi cấp:   
 Ngày cấp: 1987   
 Ký tên:   
 Đóng dấu:   
 Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

Tập số:

Trang số:

## NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

| Số<br>thứ<br>tự | Họ<br>tên         | Quê hương<br>địa chỉ hộ | Năm<br>sinh | Ngày tháng<br>năm sinh | Số giấy<br>CMND | Nghề nghiệp và<br>nơi làm việc | Ngày tháng năm<br>đăng ký khai<br>khẩu thường trú | Ngày tháng năm và<br>nơi chuyển đi | Tên cán bộ<br>ĐKKK |
|-----------------|-------------------|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|
| 1               | 2                 | 3                       | 4           | 5                      | 6               | 7                              | 8                                                 | 9                                  | 10                 |
| 01              | Nguyễn Văn Hùng   | Châu                    | 1970        | 1970                   | 810745-02       | Thợ may<br>Là Văn Thuận        | 15.9.1987                                         |                                    |                    |
| 02              | Lê Văn Diên       | Quảng Nam               | 1937        | 1937                   |                 | Lâm Lương<br>Lâm Thuận         | 15.9.1987                                         |                                    |                    |
| 03              | Lê Văn Mến        | 100                     | 1970        | 1970                   |                 | Lâm Lương<br>Lâm Thuận         | 15.9.1987                                         |                                    |                    |
| 04              | Lê Văn Thảo Trang | 100                     | 1971        | 1971                   |                 |                                | 15.9.1987                                         |                                    |                    |
| 05              | Lê Văn Hùng       | 100                     | 1972        | 1972                   |                 |                                | 15.9.1987                                         |                                    |                    |



# GIẤY KHAI SINH

Quyển 40

111

|                                                                                               |                                                                                             |                           |         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|
| Họ, tên                                                                                       | LÊ - VĂN - ĐIỀU                                                                             |                           | Nam, nữ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Mười chín tháng ba, năm một ngàn<br>chín trăm ba mươi chín (19-3-1939)                      |                           |         |
| Nơi sinh                                                                                      | Xã Bình Phúc - Huyện Mỹ Tho                                                                 |                           |         |
| Khai ở cha mẹ                                                                                 | CHA                                                                                         | MẸ                        |         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | Lê - Văn - Năm<br>1906                                                                      | Lê - Chi - Hưng<br>1906   |         |
| Dân tộc                                                                                       | Kinh                                                                                        | Kinh                      |         |
| Quốc tịch                                                                                     | VIỆT - NAM                                                                                  | VIỆT - NAM                |         |
| Nghề nghiệp                                                                                   | Làm ruộng                                                                                   | Làm ruộng                 |         |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | Ấp 1 Xã Bình Phúc - Huyện                                                                   | Ấp 1 Xã Bình Phúc - Huyện |         |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>mệnh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Huyện Thủ Đức (tên Sơn) ấp 6 Xã Lộc<br>Thị Sơn Bình Đại Bình Trị (tên Sơn)<br>Số: 320290100 |                           |         |

SỞ Y BAN CHÁNH



Đăng ký ngày 8 tháng 3 năm 1939

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

U





SỐ: 205/00

**BẢN SÁU**

**QUYẾT - ĐỊNH**

Căn cứ vào luật số 02/03/SL và điều 5, 6, 7 mục B --  
trong chính sách 12 điểm của chính phủ quy định "đối với f  
tất cả những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các  
tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ".

Căn cứ vào đề nghị của Ban Giám Thị Trại Cải Tạo -  
Tỉnh Tiền-Giang.

**CÔNG AN TỈNH TIỀN-GIANG QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: - Họ và tên: Giả Văn Đức  
- Sinh ngày: \_\_\_\_\_ tháng: \_\_\_\_\_ năm: 1939  
- Sinh quán: \_\_\_\_\_  
- Trú quán: 72 Đường Vương F. TP/H  
- Chỗ ở khi tha về: \_\_\_\_\_  
- Quốc vụ: \_\_\_\_\_ cấp bậc: \_\_\_\_\_  
- Binh chủng: Phản Cách Mạng  
- Đã quân huan từ ngày: 20 tháng: 10 năm: 1976  
- Đến ngày: 15 tháng: 02 năm: 1983.

Điều 2: - Quản chế trong thời gian: 12 tháng tại địa-  
phương kể từ ngày ký quyết định này. Trong thời gian  
quản chế nếu dương sự đi dẫu phải trình với Công An  
địa phương.

Điều 3: - Khi về địa phương dương sự trình bản quyết định này-  
với UBND và Ban Công An cơ sở nơi mình cư trú và ---  
chịu sự quản chế của chính quyền địa phương nơi f  
mình cư trú theo nội dung đã qui định.

Điều 4: - Ban giám thị Trại Cải Tạo, các cơ quan chức trách -  
và dương sự chấp quyết định thi hành.

**SAC Y BẢN CHÁNH**

TR. MYTHO Ngày 12 tháng 12 năm 1984

(UBND TP. MYTHO)

Tiền-Giang, ngày 14 tháng 02 năm 1984  
GIÁM ĐỐC CÔNG AN TIỀN-GIANG.

Phó giám đốc

*[Signature]*

*Trần Ngọc Quang*



*Nguyễn Văn Đức*

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CƯ HỘ

Chúng nhận đã chuyển đến ở:

Chúng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Ký tên, đóng dấu

Chúng nhận đã chuyển đến ở:

Chúng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ**

**TỈNH BẾN TRE**

SS: 122926 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn An

Số nhà: \_\_\_\_\_

Đường phố, ấp: Đ. Thới

Thị trấn, phường, xã: Thị trấn

Huyện, thị xã: Định Hải

Ngày 15 tháng 07 năm 1987

Trưởng công an Thị trấn

Tập số: V

Trang số: 254

# NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN         | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhận khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKKK |
|-----------|-------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| 1         | 2                 | 3                  | 4          | 5                   | 6            | 7                           | 8                                           | 9                               | 10              |
| 01        | Nguyễn Ngọc Anh   | Con                | Nam        | 1945                | 510745502    | Thợ may                     | 15.9.1987                                   |                                 |                 |
| 02        | Lê Văn Diên       | Con                | Nam        | 1939                |              | Là con Thợ may              | 15.9.1987                                   |                                 |                 |
| 03        | Lê Văn Minh       | Con                | Nam        | 1970                |              | Là con Thợ may              | 15.9.1987                                   |                                 |                 |
| 04        | Lê Văn Thảo Trang | Con                | Nữ         | 1971                |              | Là con Thợ may              | 15.9.1987                                   |                                 |                 |
| 05        | Lê Văn Hùng       | Con                | Nam        | 1972                |              |                             | 15.9.1987                                   |                                 |                 |

SAO Y BẮC CHÁNH

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

TRƯỜNG THPT Nguyễn Huệ

Xã, Thị trấn Lộc ThuậnThị xã, Quận Bình ĐạiThành phố, Tỉnh Bến Tre

Số

264

Nguyên số

III

## GIẤY KHAI SINH

|                           |                                    |                         |
|---------------------------|------------------------------------|-------------------------|
| Họ                        | LÊ - VĂN - ĐIỀU                    |                         |
| Sinh ngày                 | Mười chín tháng ba năm một ngàn    |                         |
| tháng, năm                | chín trăm ba mươi chín (19-3-1939) |                         |
| Nơi sinh                  | Xã Bình Phước Nhứt Mỹ Tho          |                         |
| Khai về cha mẹ            | CHA                                | MẸ                      |
| Họ, tên, tuổi (hoặc       | Lê - Văn - Nén                     | Lê Thị - Hằng           |
| ngày, tháng, năm sinh)    | 1906                               | 1906                    |
| Dân tộc                   | Kinh                               | Kinh                    |
| Quốc tịch                 | Việt - Nam                         | Việt - Nam              |
| Nghề nghiệp               | Làm ruộng                          | Làm ruộng               |
| Nơi ĐKKK thường trú       | Ấp 1 Xã Bình Phước Nhứt            | Ấp 1 Xã Bình Phước Nhứt |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK   | Người khai (tên Sam) ấp 6 xã Lộc   |                         |
| thường trú, số giấy chứng | Thuận Bình Đại Bến Tre Giấy chứng  |                         |
| minh hoặc CNCC của        | Số 326240100                       |                         |
| người dùng khai           |                                    |                         |



SAO Y BAN CHANH

Tháng 1 năm 1989

Đăng ký ngày 8 tháng 3 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

UW

UBND Xã  
Bị việc cho ký

Duyệt vào lúc

20/03/05

**BẢN SẠO**

**QUYẾT - ĐỊNH**

Căn cứ vào luật số 02/03/SL và điều 5, 6, 7 mục B --  
trong chính sách 12 điểm của chính phủ quy định "đối với f  
tất cả những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các  
tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ"

Căn cứ vào đề nghị của Ban Giám Thị Trại Cải Tạo -  
Tỉnh Tiền-Giang.

**CÔNG AN TIỀN-GIANG QUYẾT ĐỊNH.**

**Điều 1:** - Họ và tên: Giả Văn Thiệu  
- Sinh ngày: \_\_\_\_\_ tháng: \_\_\_\_\_ năm: 1939  
- Sinh quán: \_\_\_\_\_  
- Trú quán: 72 Hùng Vương F. TP/MT  
- Chỗ ở khi tha về: \_\_\_\_\_  
- Quốc vụ: \_\_\_\_\_ cấp bậc: \_\_\_\_\_  
- Binh chủng: Phản Cối Mạng  
- Đã quân huan từ ngày: 20 tháng: 10 năm: 1976  
- Đến ngày: 15 tháng: 02 năm: 1984

**Điều 2:** - Quản chế trong thời gian: 12 tháng tại địa-  
phương kể từ ngày ký quyết định này. Trong thời gian  
quản chế nếu dương sự đi dẫu phải trình với Công An  
địa phương.

**Điều 3:** - Khi về địa phương dương sự trình bản quyết định này-  
với UBND và Ban Công An cơ sở nơi mình cư trú và e-  
chịu sự quản chế của chính quyền địa phương nơi f  
mình cư trú theo nội dung đã qui định.

**Điều 4:** - Ban giám thị Trại Cải Tạo, các cơ quan chức trách -  
và dương sự chấp quyết định thi hành.

**SAO Y BẢN CHÍNH**

THÀNH NGUYỄN Đ. TH. 13/04/84  
UBND TP. MYTHO

Tiền-Giang, ngày 13 tháng 02 năm 1984  
GIÁM ĐỐC CÔNG AN TIỀN-GIANG.



Nguyễn Văn Hùng

Phó giám đốc  
Trần Ngọc Quang

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ VĂN ĐIỀU  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP (PA) |
|------------------------------------------|---------------|-------------------|
| 1. Nguyễn Ngọc Anh                       | 1945          | Wife (Primary)    |
| 2. Lê Đông Nhật                          | 1970          | son               |
| 3. Lê Thị Thảo Trang                     | 1971          | daughter          |
| 4. Lê Kiên Tường                         | 1972          | son               |

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

- The same as above.

ADDITIONAL INFORMATION . \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_



CHAM CÔNG-HOÀ

TH hay THỊ - XÃ

THỊ-TUÔNG

QUẬN CHAU-THÀNH

XÃ (PHUÔNG)

TÂN-MỸ-CHÁNH

Số hiệu: 98

# TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Lập ngày 27 tháng 09 năm 1974

|                      |                                                |
|----------------------|------------------------------------------------|
| Tên họ chồng         | : LÊ-VĂN-DIÊU                                  |
| Ngày và nơi sinh     | : 19-3-1939 Bình-Phước-Nhứt                    |
| Tên họ cha chồng     | : LÊ-văn-Nên (Sống <del>chưa</del> )           |
| Tên họ mẹ chồng      | : LÊ-thị-Liêng (Sống <del>chưa</del> )         |
| Tên họ vợ            | : Nguyễn-ngọc-Anh                              |
| Ngày và nơi sinh     | : 09.10.1945 xã Lộc-Thuận (Kiên-Hà)            |
| Tên họ cha vợ        | : Nguyễn-văn-Tạ (Sống <del>chưa</del> )        |
| Tên họ mẹ vợ         | : Huỳnh-thị-Sơn tự Sơn (Sống <del>chưa</del> ) |
| Ngày lập hôn thú     | : Ngày 27 tháng 09 năm 1974                    |
| Có lập hôn khế không | : //                                           |

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

TÂN-MỸ-CHÁNH, ngày 17, tháng 09 năm 1975

~~CHỖ XÁC XÁC~~

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch  
Sơn Bộ,

*[Signature]*

**BAO SẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **340772856**

Họ tên: **LÊ VĂN ĐIỀU**



Sinh ngày: **1939**  
Nguyên quán: **Bình Phước Nhất**  
**Chợ Gạo, T. Giếng Giang**  
Nơi thường trú: **Xã Lộc Thuận**  
**H. Bình Đại, T. Bến Tre**

**SÁO Y CHÁNH**

TP. MYTHO ngày **12** tháng **2** năm **1989**

**T. UBND TP. MYTHO**

**K. T. CHÁNH VĂN PHÒNG**

**PHÓ**



*Nguyễn Văn Dũng*

|                                                                                   |  |                                                                                     |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                     |  | Tôn giáo: Không                                                                     |  |
|  |  | DẤU VẾT TRỆNG HOẶC DI HÌNH                                                          |  |
|                                                                                   |  | Số hình ảnh: 1, 5cm<br>trên nền màu đỏ<br>phải.                                     |  |
|                                                                                   |  | Ngày 25 tháng 05 năm 1967<br>HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN                                 |  |
|                                                                                   |  |  |  |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 320716826

Họ tên LÊ-ĐÔNG-NHỰT

Sinh ngày 1970

Nguyên quán Xã Lộc Thuận

H. Bình Đại, T. Bến Tre

Nơi thường trú Xã Lộc Thuận

H. Bình Đại, T. Bến Tre



SAC Y BAN CHANH

TP MY THO NUNG THON 2 năm 1984

KT-CHANH VAN DIENG

PHO VAN PHONG



Nguyễn Văn...

Dân tộc

kinh

Tôn giáo

không

DẤU VẾT TRIỆNG HOẶC DI HÌNH

NGON TỎ TRAI

Sẹo chằm cách lcm  
trên trước đầu lông  
mày phải.

15 tháng 05 năm 1986

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



*Cammy Ngao*

**BẮC SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **320716806**

Họ tên: **LÊ-THỊ-THẢO-TRANG**



Sinh ngày: **1971**

Nguyên quán: **Xã Lộc Thuận**

**H. Bình Đại, T. Bến Tre**

Nơi thường trú: **Xã Lộc Thuận**

**H. Bình Đại, T. Bến Tre**

SỞ Y DƯỢC

TP. MY THO Ngày 19 Tháng 2 Năm 1989

TRƯỞNG TP. MY THO

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHÓ VĂN PHÒNG

*Nguyễn Văn Hùng*

Dân tộc

kinh

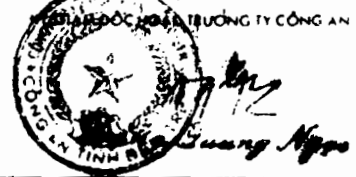
Tôn giáo

không

DẤU VẾT KIỂNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 3cm  
dưới sau cánh mũi  
phải

Nơi sinh tháng 05 năm 1986



NGON TƯỚNG TRAI

NGON TƯỚNG PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~720772656~~

Họ tên: **LÊ-VĂN-LIỆU**

Sinh ngày: **1939**

Nguyên quán: **Bình Phúc Nhứt,**

**Chợ Gạo, T. Diên Giang.**

Nơi thường trú: **Xã Lộc Thuận,**

**H. Bình Đại, T. Bến Tre.**



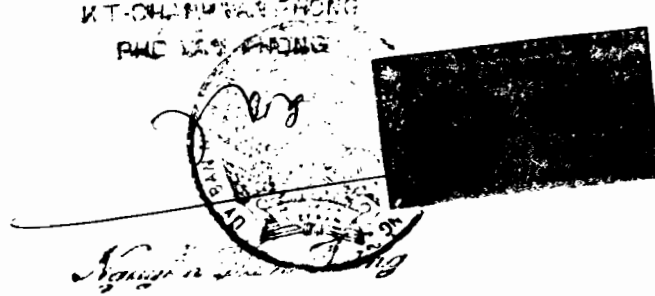
**SAD Y SÂN CHANH**

TP MY THO NGUYEN 13 Tháng 2 năm 1989

UBND TP MY THO

KT-CHỦ NHỦ VẮN PHONG

PHÚC LÂN PHONG



|                                                                                   |  |                                                                                                            |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                     |  | Tôn giáo: Không                                                                                            |  |
|  |  | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                                 |  |
|                                                                                   |  | Sọc chân cách 1,5cm<br>trên sau của mỗi<br>chân.                                                           |  |
|                                                                                   |  | Ngày 22 tháng 05 năm 1987                                                                                  |  |
|                                                                                   |  | HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN                                                                                     |  |
|                                                                                   |  | <br>7/12<br>[Signature] |  |

**BẮC SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **320716806**

Họ tên: **LÊ-THỊ-THẢO-TRANG**



Sinh ngày: **1971**  
Nguyên quán: **Xã Lộc Thuận**  
**H. Bình Đại, T. Bến Tre**  
Nơi thường trú: **Xã Lộc Thuận**  
**H. Bình Đại, T. Bến Tre**

**SAO Y DÂN CHÁNH**

ST. MVTTC. Ngày **13** tháng **2** năm **1987**

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**  
**PHÓ VĂN PHÒNG**



Dân tộc

kinh

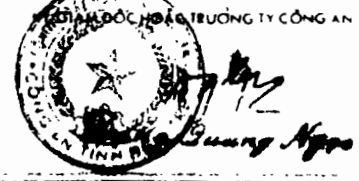
Tôn giáo

không

DẤU VẾT KIỂM HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 3cm  
dưới sau cánh mũi  
phải

Năm 13 tháng 05 năm 1986



NGON TRÚ TRAI

NGON TRÚ PHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **320716826**

Họ tên: **LE-DÔNG-NHUT**

Sinh ngày: **1970**

Nguyên quán: **Xã Lộc Thuận**

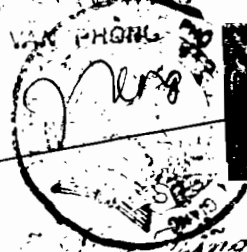
**H. Bình Đại, T. Bến Tre**

Nơi thường trú: **Xã Lộc Thuận**

**H. Bình Đại, T. Bến Tre**



PHÓ VẤN PHÒNG



*Nguyễn Văn Dũng*

Đã in

kinh

lông giao

không

DẤU VẾT TRÊN DA HOẶC DẤU HINH

Sẹo chàm cách lôm  
trên trước đầu lông  
mày phải.

15 tháng 05 năm 1986

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

Cammy Ngan

Xã, Thị trấn Sóc Trăng  
Thị xã, Quận Bình An  
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

# GIẤY KHAI SINH

Số 254

Quận Sóc Trăng

**BẢN SAO**

|                                                                                              |                                                                                                                          |                                       |                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|
| Họ và Tên                                                                                    | <u>LE - ĐÔNG - NHƯT</u>                                                                                                  |                                       | Nam, nữ <u>nam</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | <u>Hai mươi bốn tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi (24/4/1970)</u>                                                 |                                       |                    |
| Nơi sinh                                                                                     | <u>Xã Diên Hòa, Huyện Mỹ Tho</u>                                                                                         |                                       |                    |
| Khai về cha mẹ                                                                               | CHA                                                                                                                      | MẸ                                    |                    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                | <u>Lê Văn Diên</u><br><u>1939</u>                                                                                        | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u><br><u>1945</u> |                    |
| Dân tộc                                                                                      | <u>Kinh</u>                                                                                                              | <u>Kinh</u>                           |                    |
| Quốc tịch                                                                                    | <u>Việt - NAM</u>                                                                                                        | <u>Việt - NAM</u>                     |                    |
| Nghề nghiệp                                                                                  | <u>Làm ruộng</u>                                                                                                         | <u>Thợ cấy lúa</u>                    |                    |
| Nơi ĐKK thường trú                                                                           | <u>Ấp 6 Xã Diên Hòa, Huyện Mỹ Tho</u>                                                                                    | <u>Ấp 6 Xã Diên Hòa, Huyện Mỹ Tho</u> |                    |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u> <u>Ấp 6 Xã Diên Hòa, Huyện Mỹ Tho</u><br><u>Bình An Bến Tre</u><br><u>Số giấy CMND: 310745562</u> |                                       |                    |

**SAO Y BẢN CHÍNH**

TP. MY THO ngày 16 tháng 2 năm 1984

Đã đăng ký ngày 3 tháng 7 năm 1984

(Ký, ghi, đóng dấu, và ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

*(Signature)*  
Lê Văn Huệ

*(Signature)*  
Nguyễn Văn Huệ

Thành phố, Huyện *Dien Lee*

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

GIẤY KHAI SINH:

58 255

Quyền số 5

|                                                                                              |                                                                                         |                         |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----|
| Họ và tên :                                                                                  | Lê Thị Thảo Trang                                                                       | Nam, nữ                 | Nữ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm :                                                                    | mười. Sáu tháng mười. năm một<br>ngàn chín trăm bảy mươi một<br>(10-12-71)              |                         |    |
| Nơi sinh                                                                                     | Xã Diên Hòa - Mỹ Tho                                                                    |                         |    |
| Khai về cha mẹ                                                                               | CHA                                                                                     | MẸ                      |    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                | Lê V. Diên<br>1939                                                                      | Nguyễn Ngọc Anh<br>1945 |    |
| Dân tộc                                                                                      | Kinh                                                                                    | Kinh                    |    |
| Quốc tịch                                                                                    | Việt Nam                                                                                | Việt Nam                |    |
| Nghề nghiệp                                                                                  | Đảm nhiệm                                                                               | Kế Toán                 |    |
| Nơi B. K thường trú                                                                          | Ấp 6 Xã Lạc Thuận                                                                       | Ấp 6 Xã Lạc Thuận       |    |
| Họ, tên tu sĩ, nơi ĐENK<br>hương trú, số giấy chứng<br>mình hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Nguyễn Ngọc Anh - Ấp 6 Xã Lạc<br>Thuận - Bình Định - Đền Tục giấy<br>CM ND SỐ 310745562 |                         |    |

Đang 10 ngày 3 tháng 7 năm 1944

Khí lên cùng với khí rỗng (chân không)

27-  $5.72 \times 10^3$   $\text{m}^3$   $\text{H}_2\text{O}$

all. sub. ky

Leipzig den 2ten



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã. phường Lộc Thuận  
Huyện. Quận Bình Đại  
Tỉnh. Thành phố Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 256

Quyển II



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Kiên Trường Nam hay nữ NAM  
Ngày, tháng, năm sinh Ngày Mười tám tháng Mười Một năm Một nghìn bảy trăm hai (18-11-1972)  
Nơi sinh xã Lộc Hòa Mỹ Tho  
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                                  | Người cha                                 |
|----------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Họ và tên            | <u>Nguyễn Ngọc Anh</u>                    | <u>Lê Văn Diêu</u>                        |
| Tuổi                 | <u>1985</u>                               | <u>1939</u>                               |
| Dân tộc              | <u>Kinh</u>                               | <u>Kinh</u>                               |
| Quốc tịch            | <u>Việt Nam</u>                           | <u>Việt Nam</u>                           |
| Nghề nghiệp          | <u>Làm ruộng</u>                          | <u>Làm ruộng</u>                          |
| Nơi thường trú       | <u>ấp 6 xã Lộc Thuận Bình Đại Bến Tre</u> | <u>ấp 6 xã Lộc Thuận Bình Đại Bến Tre</u> |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Ngọc Anh 1985 ấp 6 xã Lộc Thuận Bình Đại  
Bến Tre CCMMND 38 0745562

Đăng ký ngày 28 tháng 6 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

ngoc anh

Nguyễn Ngọc Anh

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 6 năm 1988

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu

Ủy ban nhân dân



Dương Văn Lực

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà Hoà-giải Rộng-quyền Kiên-hoà

TOÀ HÒA GIẢI KIẾN HOÀ

Một bản chính giấy thể-vi

(1) Ngày 21-12-1962

Giấy thể-vi

cho Nguyễn Ngọc-Anh

đến Nguyễn Ngọc-Anh và cấp đã được

ở Đoàn-phương-Trang Chánh Án Toà Hoà-giải

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 21-12-1962

và đã trước-bạ :

(1) Số 1902

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 369 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi

Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quá-quyết và bất

chắc rằng : Nguyễn Ngọc-Anh, nữ, sinh ngày 9-10-1945 tại xã Lạc-Thượng (Kiến-Anh) con của Nguyễn Văn-Tạo và Huỳnh-thị-  
Đan.//.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

Kiểm tra ngày 18 tháng 1 năm 1963

CHÍNH LỤC SỞ.

14-ph: 900

(1) Lập tại số, ngày tháng  
và năm trên đây mỗi  
khi xin trích-lục.

Kiểm

Nguyễn Văn Lý,

VIỆT-NAM CỘNG HOÀ

TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TOA HGRQ Kiến hòa

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THẺ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

Toà HGRQ Kiến hòa

(1) Ngày 21-12-1962

Một bản chánh giấy thẻ-vì khai sinh

Giấy thẻ-vì khai sinh

cấp cho Nguyễn ngọc Anh

cho Nguyễn ngọc Anh

do Ông Ngô phượng Tường Chánh-Án Toà án Kiến hòa

(1) Số: 1902

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 21-12-1962

và đã trước-bạ.

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và dứt chắc rằng:

- Nguyễn ngọc Anh, nữ, sanh ngày 09-10-1945 tại xã

Lộc Thuận (Kiến hòa) con của Nguyễn văn Tạo và

Nguyễn thị Lan tại Sầu.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến hòa, ngày 11 tháng 11 năm 1969

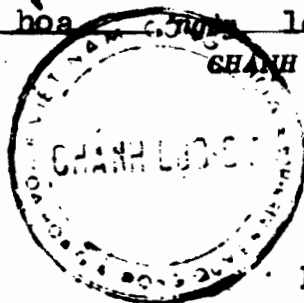
CHÁNH LỤC-SỰ.

B1: số 12306/6

Tân, T

Lệ-phí 15

(1) Lấp lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.



Lê mạng Lân

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự

BỘ TƯ- PHÁP

Toà Hoà-giải Rộng-quyền Kiên-hoà

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ HGRQ.Kiến-hoà

Một bản chánh giấy thể-vi Khởi-sản

(1) Ngày 21-12-1962

do Nguyễn-ngọc-Anh xin cấp đã được

Giấy thể-vi khởi-sản

Ở Ngô-phương-Tường Chánh-Án Toà HGRQ.Kiến-hoà

cho Nguyễn-ngọc-Anh

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 21-12-1962

và đã trước-bạ :

(1) Số I902

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-dịnh ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ. quả-quyết và biết

chắc rằng : Nguyễn-ngọc-Anh, nữ, sinh ngày 9-10-1945 tại Lộc-Thuận(Kiến-hoà) con của Nguyễn-văn-Tạo và Huỳnh-thị Đôn tự Sáu./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến-hoà, ngày 18 tháng 2 năm 1963

CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phí: 5\$00

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Kiểm

Nguyễn văn Lý

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TOÀ HGRQ Kiến hòa

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THẺ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

Toà HGRQ Kiến hòa

(1) Ngày 21-12-1962

Một bản chánh giấy thẻ-vì khai sanh

Giấy thẻ-vì khai sanh

cấp cho Nguyễn ngọc Anh

cho Nguyễn ngọc Anh

do Ông Ngô phượng Tường Chánh-An Toà án Kiến hòa

(1) Số: 1902

với tư-cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 21-12-1962

và đã trước-bạ.

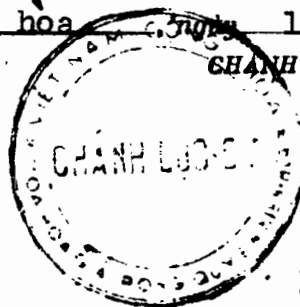
TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và dứt chắc rằng:

- Nguyễn ngọc Anh, nữ, sanh ngày 09-10-1945 tại xã M  
Lộc Thuận (Kiến hòa) con của Nguyễn văn Tạo và  
Huỳnh thị Đền tại Sáu.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến hòa ngày 10 tháng 11 năm 1969  
CHÁNH LỤC-SỰ.



Lê mọng Lân

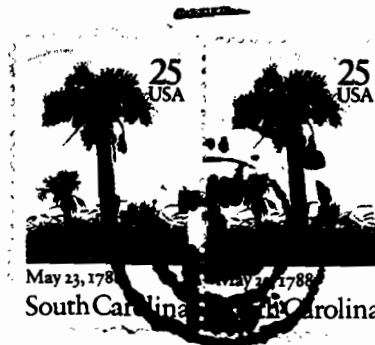
B1: số 12306/6

Tấn, T

Lệ-phí 15%

(1) Lấp lại số, ngày tháng  
và năm trên đây mỗi  
khi xin trích-lục

FROM: ĐIỀU VÂN LÊ  
118, TRẦN HƯNG ĐẠO  
MỸ THO TIỀN GIANG  
VIỆT NAM



TO: Families of Viet Namease  
political prisoners Association  
P.O. Box. 5485 Arlington

V.A. 22205-0635

USA